

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Diệu Linh

HẢI PHÒNG – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ
ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH LIÊN VẠN HẢI LONG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Diệu Linh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Diệu Linh

Mã SV: 2012901002

Lớp: QT 2401K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty
TNHH Liên Vận Hải Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

- Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long, Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 01 năm 2024
Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 05 năm 2024

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Diệu Linh

ThS. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Văn Thụ**
Đơn vị công tác: **Khoa Quản trị kinh doanh**
Họ và tên sinh viên: **Nguyễn Thị Diệu Linh** Chuyên ngành: **Kế toán - Kiểm toán**
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Thực hiện theo đúng kế hoạch được giao;
- Luôn có tinh thần cầu thị trong làm bài;
- Nghiêm túc trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên **Nguyễn Thị Diệu Linh** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2023). Số liệu minh họa trong bài viết được tác giả trình bày chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 18 tháng 05 năm 2024

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ	3
1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ.....	3
1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định	4
1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định	5
1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định.....	5
1.1.3.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định.....	9
1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp ..	15
1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp	15
1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định.....	15
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp....	16
1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp	16
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	17
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	17
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	17
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định.....	20
1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	22
1.2.3.1 Nguyên tắc khấu hao TSCĐ.....	22
1.2.3.2 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	23
1.2.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định	24
1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng	28
1.2.3.5. Phương pháp hạch toán	29
1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định	29
1.2.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.....	29
1.2.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định.....	30
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	31

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG	34
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Liên Vận Hải Long	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	34
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	37
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	37
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	39
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	40
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	41
2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	41
2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty.....	41
2.2.2 Kế toán tăng giảm tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long	42
2.2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	58
2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long	63
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG	70
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty.....	70
3.1.1 Ưu điểm.....	70
3.1.2 Hạn chế.....	72
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	73
3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty	73
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	74
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hợp đồng mua bán hàng hoá	45
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 1112.....	48
Biểu số 2.3. Thẻ tài sản cố định	49
Biểu số 2.4: Biên bản nhượng bán TSCĐ.....	51
Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 814.....	52
Biểu 2.6: Giấy báo có.....	53
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định	54
Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp tài sản cố định.....	55
Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung.....	56
Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 211	57
Biểu số 2.11: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	60
Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.13: Trích sổ Cái TK 214	62
Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng số 1208.....	65
Biểu số 2.15: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô	66
Biểu số 2.16: Giấy báo Nợ của ngân hàng.....	67
Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.18: Trích sổ Cái TK 642	69
Biểu số 3.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 1208.....	75
Biểu số 3.3: Giấy báo Nợ của ngân hàng.....	77
Biểu số 3.2: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô	76

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.....	36
Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long	38
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.	40
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty.	43
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán khấu hao TSCĐ tại công ty.....	59
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty.	63

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước ta trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, thời kỳ đòi hỏi chúng ta phải mang hết tinh thần, khả năng, trí tuệ cùng tài năng sẵn có để cống hiến cho sự nghiệp đổi mới để xây dựng đất nước.

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành sản xuất, kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình TSCĐ hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp, cũng như các nhà quản lý kinh tế.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long, xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và cơ sở lý luận của công tác kế toán tài sản cố định, cùng với những kiến thức đã được các thầy, cô giáo trang bị cho em trong khoá học đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo Ths.Nguyễn Văn Thụ và các cô chú Phòng kế toán Công ty đã giúp em thấy rõ được vai trò của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từ đó em đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long”***

Nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Trong lịch sử phát triển nhân loại, các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung vào giải quyết các vấn đề về cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa quá trình sản xuất, đổi mới, hoàn thiện TSCĐ. Nhìn từ góc độ vĩ mô ta thấy: yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đến nền kinh tế thị trường là uy tín chất lượng sản phẩm của mình đưa ra thị trường nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài còn thực chất bên trong là các máy móc, thiết bị công nghệ chế biến có đáp ứng được yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp hay không? TSCĐ là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Nó thể hiện một cách chính xác nhất năng lực và trình độ cơ sở vật chất của mỗi doanh nghiệp. TSCĐ được đổi mới và sử dụng có hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ

1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ

Để doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố như: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tư liệu lao động phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, chúng không những khác nhau về giá trị, giá trị sử dụng mà còn khác nhau về thời gian hoạt động. Để thuận lợi cho việc quản lý, bảo tồn và phát triển đối với tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị...được xếp thành một nhóm riêng gọi là tài sản cố định (TSCĐ).

TSCĐ trong các doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá

trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ là các tư liệu lao động chủ yếu như nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... có hình thái cụ thể, đa dạng về kiểu dáng, phong phú về chủng loại, người ta có thể định dạng mô tả chúng, và còn có các tài sản không có hình thái hiện vật nhưng cũng tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD như quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính,... Tuy nhiên không phải mọi tư liệu lao động đều là TSCĐ mà chỉ có những tài sản thoả mãn các điều kiện của chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính kế toán của nhà nước quy định phù hợp trong từng thời kỳ. Tài sản cố định có những đặc điểm như sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

- Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật. Giá trị của TSCĐ vô hình cũng được dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC về “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”:

+ Tiêu chuẩn đối với TSCĐ hữu hình: Những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Có giá trị theo quy định hiện hành (từ 30.000.000đồng trở lên).

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, nếu từng con súc vật thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định đều được coi là một tài sản cố định hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm, nếu từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì cũng được coi là một tài sản cố định hữu hình.

+ Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình: Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp chi ra thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn về TSCĐ, mà không hình thành TSCĐ hữu hình thì được gọi là TSCĐ vô hình.

1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định

1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau...nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của TSCĐ và phục vụ tốt cho công tác thống kê TSCĐ.

- TSCĐ có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... Mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể.

• **Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện**

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: TSCĐ mang hình thái vật chất (hay TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất (hay TSCĐ vô hình).

❖ **TSCĐ hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- *Nhà cửa, vật kiến trúc:* Là TSCĐ được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi, cầu cống... phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- *Máy móc, thiết bị:* Là toàn bộ máy móc, thiết bị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác...

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:* là những phương tiện vận tải như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác như ô tô, máy kéo, xe tải...

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý:* gồm các thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà.

- *Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm:* gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su,...), súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và các súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

- *Tài sản cố định hữu hình khác:* Bao gồm những TSCĐ mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...)

TSCĐ vô hình: Là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về TSCĐ vô hình gồm có:

- *Quyền sử dụng đất:* Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật.

Giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- *Chương trình phần mềm*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *TSCĐ vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ, sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của TSCĐ.

• **Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành**

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân loại thành:

TSCĐ được phân chia thành 2 loại cơ bản là TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

* **TSCĐ tự có**: Là những TSCĐ xây dựng, mua sắm, hoặc chế toạ bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

*** TSCĐ đi thuê :**

TSCĐ đi thuê gồm 2 loại sau:

- *TSCĐ thuê hoạt động*: là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.

- *TSCĐ thuê tài chính*: Là những TSCĐ doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nêu shợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau:

+ Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thoả thuận.

+ Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.

+ Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.

+ Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm lí hợp đồng.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

Qua cách phân loại này, ta biết được TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm.

• ***Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế***

Đây là hình thức phân loại rất hữu ích và tiện lợi cho việc phân bổ khấu hao TSCĐ vào tài khoản chi phí phù hợp. Theo tiêu thức này, TSCĐ được phân chia thành 4 loại cơ bản sau:

- *TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh*: Là những TSCĐ đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những TSCĐ này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- *TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng*: Là những TSCĐ do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

- *TSCĐ chờ xử lý*: Bao gồm các TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết, những TSCĐ này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

- *TSCĐ bảo quản hộ, cất giữ hộ Nhà nước*: Bao gồm những TSCĐ doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

1.1.3.2 *Đánh giá giá trị tài sản cố định*

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. Tài sản cố định được đánh giá theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

a) Nguyên giá:

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, nghĩa là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ *Với tài sản cố định hữu hình:*

- Nguyên giá TSCĐ do mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm gồm: Giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng

(+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp gồm: Giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán. Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của TSCĐ.

Ngoài ra, mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ vô hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

- TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- TSCĐ hữu hình tự sản xuất: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế sản xuất TSCĐ và các chi phí phát sinh có liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán thì nguyên giá TSCĐ ghi theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình.

- TSCĐ do bộ phận xây dựng cơ bản bàn giao:

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

- Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành tính đến thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

- TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến: Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

- TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp: Nguyên giá là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí, hoặc Doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận, hoặc do tổ chức chuyên định giá và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp nhận.

- TSCĐ được cho, tặng, thưởng, biếu, tài trợ, do phát hiện thừa: Nguyên giá là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp và các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

❖ Tài sản cố định vô hình:

- TSCĐ vô hình do mua sắm: Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp mua nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình; còn nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc thì ghi nhận là TSCĐ hữu hình.

- Trường hợp tài sản cố định vô hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, trả góp: Nguyên giá của TSCĐ vô hình được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm). Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ vô hình (được vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

- TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

- TSCĐ vô hình được cấp, biếu, tặng, hoặc điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biểu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình đến khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:

Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn. Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình. Cụ thể:

+Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

- TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ: Nguyên giá là toàn

bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- TSCĐ vô hình là nhãn hiệu hàng hóa: Nguyên giá là các chi phí thực tế trực tiếp liên quan tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- TSCĐ là các chương trình phần mềm: Nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

❖ Với TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

b) Giá trị hao mòn:

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

c) Giá trị còn lại:

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí SXKD trong kỳ, do đó giá trị của TSCĐ sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của TSCĐ để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất thực của TSCĐ trong doanh nghiệp.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{TSCĐ trước} \\ \text{khi đánh giá} \\ \text{lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ sau khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ trước khi} \\ \text{đánh giá lại} \end{array}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp

Những nguyên tắc quản lý TSCĐ trong danh nghiệp theo Điều 5 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính:

+ Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng. Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

+ Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại trên sổ} \\ \text{kế toán của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

+ Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 200.

+ Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào HĐKD như những TSCĐ thông thường.

1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

Tài sản cố định là bộ phận chủ yếu của cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ vốn sản xuất kinh doanh. Do đó, việc

trang bị, sử dụng TSCĐ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán TSCĐ giúp doanh nghiệp có thể nắm chắc tình hình tăng giảm TSCĐ về số lượng, giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn TSCĐ. Từ đó đưa ra phương thức quản lý và sử dụng hợp lý công suất của TSCĐ, góp phần phát triển sản xuất, thu hồi nhanh vốn đầu tư để tái sản xuất và tạo ra sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Với vai trò to lớn đó, kế toán TSCĐ phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đôn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các TSCĐ.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện cho từng TSCĐ, từng nhóm TSCĐ theo nơi sử dụng TSCĐ. Yêu cầu quản lý TSCĐ của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết TSCĐ. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu TSCĐ, tình hình phân bổ tài sản cố định theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phân bổ

chính xác TSCĐ, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng TSCĐ. Nội dung chính của kế toán chi tiết TSCĐ bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến TSCĐ trong doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ,...

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện ở thẻ TSCĐ (Mẫu số S23-DN). Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại TSCĐ và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ gồm: bộ hồ sơ TSCĐ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ,..

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng – Sổ TSCĐ trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm TSCĐ theo trình tự thời gian phát sinh ngược. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác:
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
 - + Các hợp đồng, hóa đơn mua- bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư TSCĐ (nếu có)...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

a) Tài khoản 211: “TSCĐ hữu hình”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá,

- *Kết cấu của TK 211*

Bên Nợ:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, được biếu tặng,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên có:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý,...
- Nguyên giá TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;
- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

- *TK 211 chi tiết thành 6 tiểu khoản:*

- *Tài khoản 2111 - Nhà cửa, vật kiến trúc:* Phản ánh giá trị các công trình XDCB như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...

- *Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị:* Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ.

- *Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn:* Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, sắt, thủy, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn.

- *Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý:* Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính.

- *Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ là các loại cây lâu năm, súc vật làm việc, súc vật nuôi để lấy sản phẩm.

- *Tài khoản 2118 - TSCĐ khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các tài khoản nêu trên.

b) Tài khoản 212: “TSCĐ thuê tài chính”

Tài khoản dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

Tài khoản 212 được mở chi tiết để theo dõi từng loại, từng TSCĐ thuê.

* *Kết cấu của TK 212:*

Bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

Bên Có: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do điều chuyển trả lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có.

c) Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”

Bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên Có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

* *TK chi tiết thành 7 tiểu khoản sau:*

- *Tài khoản 2131 - Quyền sử dụng đất*: Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Tài khoản 2132 - Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Tài khoản 2133 - Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Tài khoản 2134 - Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

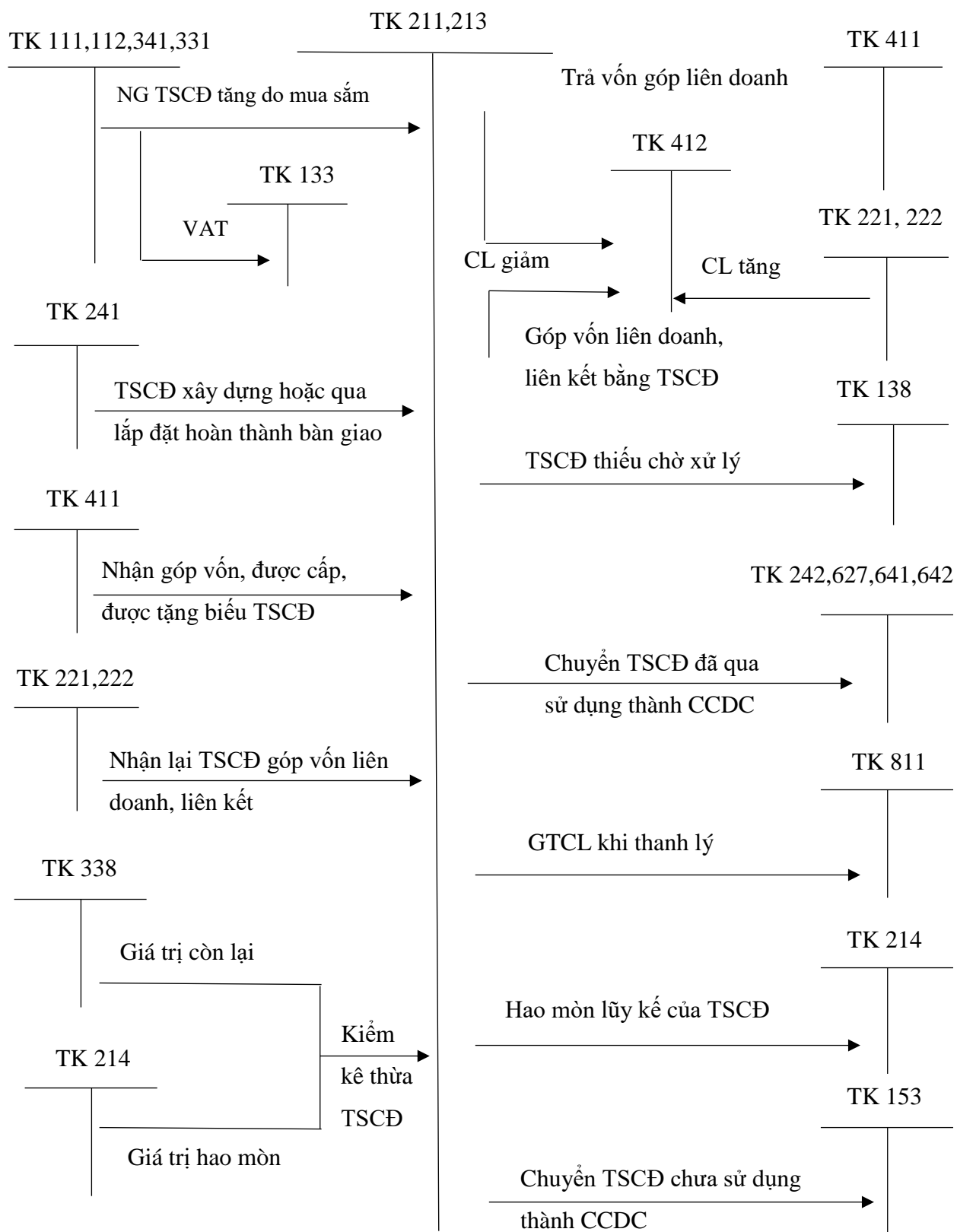
- *Tài khoản 2135 - Chương trình phần mềm*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Tài khoản 2136 - Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *Tài khoản 2138 - TSCĐ vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định

Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình được khái quát qua sơ đồ sau:



1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định

1.2.3.1 Nguyên tắc khấu hao TSCĐ

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản đầu tư (BĐSDT) trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BĐSĐT.

- Về nguyên tắc, mọi TSCĐ, BĐSĐT dùng để cho thuê của doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất, kinh doanh (gồm cả tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Khấu hao TSCĐ dùng trong sản xuất, kinh doanh và khấu hao BĐSĐT hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ; khấu hao TSCĐ chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý hạch toán vào chi phí khác. Các trường hợp đặc biệt không phải trích khấu hao (như TSCĐ dự trữ, TSCĐ dùng chung cho xã hội...), doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án hoặc dùng vào mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh mà chỉ tính hao mòn TSCĐ và hạch toán giảm nguồn hình thành TSCĐ đó.

- Căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để lựa chọn 1 trong các phương pháp tính, trích khấu hao theo quy định của pháp luật phù hợp cho từng TSCĐ, BĐSĐT nhằm kích thích sự phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp.

- Phương pháp khấu hao được áp dụng cho từng TSCĐ, BĐSĐT phải được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ và BĐSĐT.

- Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ phải được xem xét lại ít nhất là vào cuối mỗi năm tài chính. Nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các ước tính trước đó thì thời gian khấu hao phải được thay đổi tương ứng. Phương pháp khấu hao TSCĐ được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức ước tính thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ. Trường

hợp này, phải điều chỉnh chi phí khấu hao cho năm hiện hành và các năm tiếp theo, và được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

- Đối với các TSCĐ đã khấu hao hết (đã thu hồi đủ vốn), nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không được tiếp tục trích khấu hao. Các TSCĐ chưa tính đủ khấu hao (chưa thu hồi đủ vốn) mà đã hư hỏng, cần thanh lý, thì phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường và phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, không được bồi thường phải được bù đắp bằng số thu do thanh lý của chính TSCĐ đó, số tiền bồi thường do lãnh đạo doanh nghiệp quyết định. Nếu số thu thanh lý và số thu bồi thường không đủ bù đắp phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, hoặc giá trị TSCĐ bị mất thì chênh lệch còn lại được coi là lỗ về thanh lý TSCĐ và kế toán vào chi phí khác. Riêng doanh nghiệp Nhà nước được xử lý theo chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước.

- Đối với TSCĐ vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi TSCĐ được đưa vào sử dụng (theo hợp đồng, cam kết hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền). Riêng đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất xác định được thời hạn sử dụng. Nếu không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

- Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

- Đối với BĐSĐT cho thuê hoạt động phải trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Doanh nghiệp có thể dựa vào các BĐS chủ sở hữu sử dụng (TSCĐ) cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao BĐSĐT. Trường hợp BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá, doanh nghiệp không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

1.2.3.2 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định

❖ Đối với TSCĐ hữu hình:

- Đối với TSCĐ còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng TSCĐ được quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC* để xác định thời gian sử dụng của TSCĐ.

- Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Thông tư 45}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ *Đối với TSCĐ vô hình:*

Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng TSCĐ vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

Đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.

Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định.

1.2.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

a. *Phương pháp khấu hao đường thẳng*

Là phương pháp khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

- Trường hợp nguyên giá hoặc thời gian sử dụng của TSCĐ thay đổi thì doanh nghiệp phải tính lại mức khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách: lấy giá trị còn lại trên sổ sách kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

- Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T: Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T₁ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*.

T₂ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*.

t₁: Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ}}{\text{Mức trích khấu hao cả năm}} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, thời gian hoàn vốn nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng); là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Nội dung của phương pháp:

- Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Xác định mức khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ}}{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}} \times \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức:

$$\frac{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)}} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}} \times \frac{\text{Hệ số điều chỉnh}}{\text{Hệ số điều chỉnh}}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng}}{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng}} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao như sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm (t ≤ 4 năm)	1,5
Trên 4 năm	2,0

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Lưu ý: Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

TSCĐ tham gia vào hoạt động SXKD được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp:

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất trong} \\ \text{tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu} \\ \text{hao năm TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân 1 đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BDS đầu tư.

* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:*

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

Số dư bên nợ: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có ở doanh nghiệp.

* *TK 214 chi tiết thành 4 tiểu khoản:*

- *Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ hữu hình.

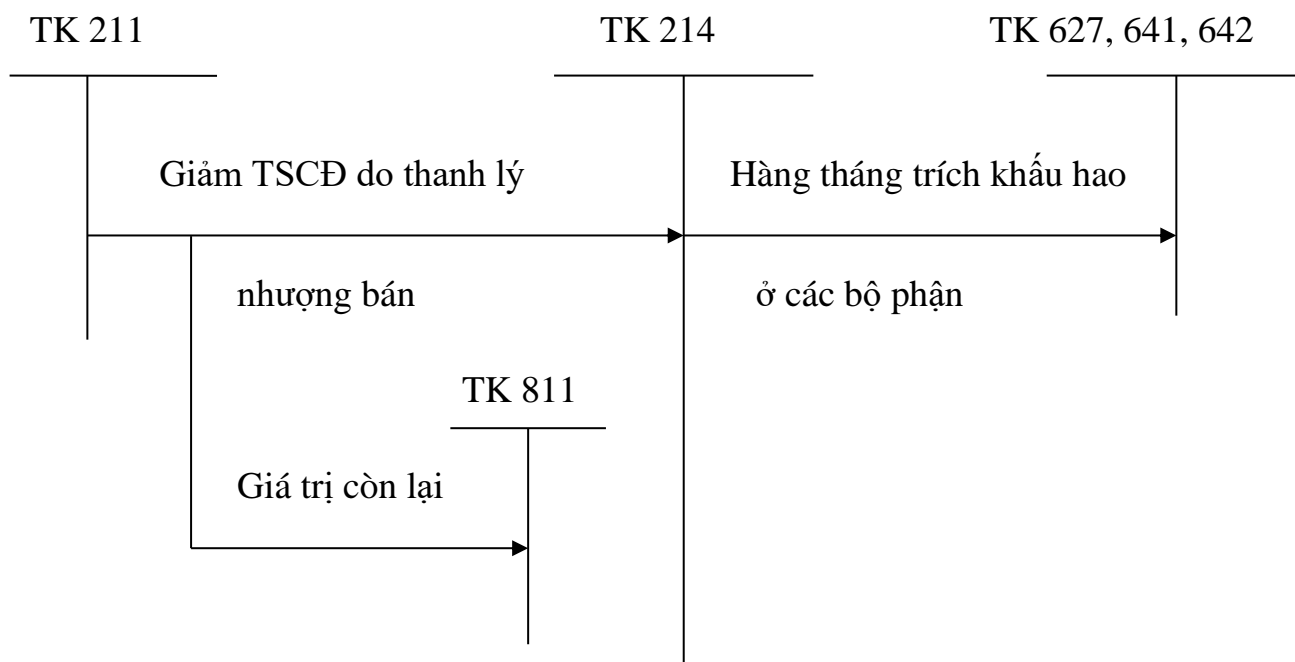
- *Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ thuê tài chính.

- *Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ vô hình và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ vô hình.

- *Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐSĐT:* Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động của doanh nghiệp.

1.2.3.5. Phương pháp hạch toán

Kế toán khấu hao TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà DN bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.

1.2.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa nhỏ.

- Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh thường được tính thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ (nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phúc lợi thì hạch toán thẳng vào TK 353).

* **Chứng từ sử dụng:** Hóa đơn GTGT sửa chữa, biên lai thu phí và các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,...

* **Tài khoản sử dụng:** Các tài khoản chi phí: TK 627, 641, 642,...và các TK liên quan: TK 133, 111, 112, 331,...

* **Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài khoản đó:

Nợ TK 627,641,642,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112,331,...

1.2.4.2 **Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định**

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

* **Chứng từ sử dụng:** Các chứng từ kế toán để phản ánh việc sửa chữa lớn hoàn thành là Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

* **Tài khoản sử dụng:** TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...

* **Phương pháp hạch toán:** Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- **Theo phương thức tự làm:** Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152,...

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)

Có TK 111,112, ... (tổng giá thanh toán)

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 627,641,642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

- + Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

- Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

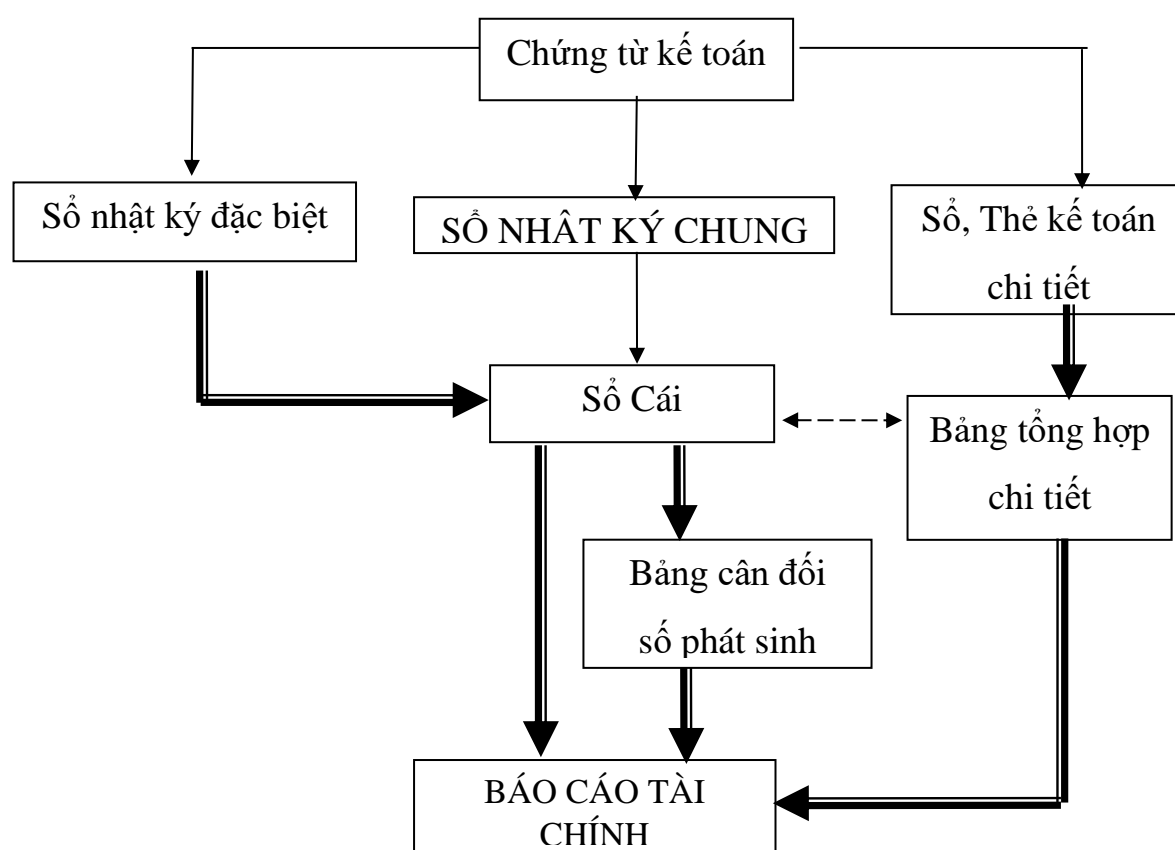
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể tự thiết kế các chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nếu doanh nghiệp không tự thiết kế được thì có thể vận dụng hệ thống sổ sách theo 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

Tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Do đó, phần lý luận xin được trình bày cụ thể về đặc trưng cơ bản và trình tự ghi sổ của hình thức kế toán Nhật ký chung.

* Sơ đồ hạch toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi định kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu \longleftrightarrow

* *Trình tự ghi sổ:*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh (NVPS) vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái (SC) theo các TK. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì ghi đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các NVPS được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi NVPS vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng NVPS, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các TK phù hợp trên Sổ cái.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.
- Tên Công ty viết tắt: HL Logistics.
- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: Hai Long Logistics Company Limited.
- Địa chỉ trụ sở: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Điện thoại: (0225) 3979878.
- Mã số thuế: 0201823395.
- Người đại diện pháp luật: (Bà) Nguyễn Thúy Lệ.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước.
- Quản lý bởi: Chi cục Thuế khu vực Lê Chân - Dương Kinh.
- Lĩnh vực kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 0201823395 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 12 năm 2017.

Công Ty TNHH Liên Vận Hải Long luôn phấn đấu phát triển không ngừng để trở thành một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá có uy tín của khu vực miền Bắc và của cả nước, có thiết bị hiện đại, môi trường thân thiện, tăng trưởng bền vững và hiệu quả hàng đầu trong ngành máy móc.

Với sứ mệnh cung cấp cho khách hàng và người tiêu dùng các dịch vụ vận tải uy tín, chuyên nghiệp, Công Ty TNHH Liên Vận Hải Long có đủ các trang thiết bị cần thiết như xe tải, đầu kéo container, xe chuyên dụng cho việc chuyên chở hàng quá khổ, quá tải, thiết bị nâng hạ và đóng gói hàng hóa, bến bãi kho hàng

cùng với đội ngũ nhân viên được đào tạo cơ bản, hệ thống máy tính nối mạng với các đại lý nước ngoài.

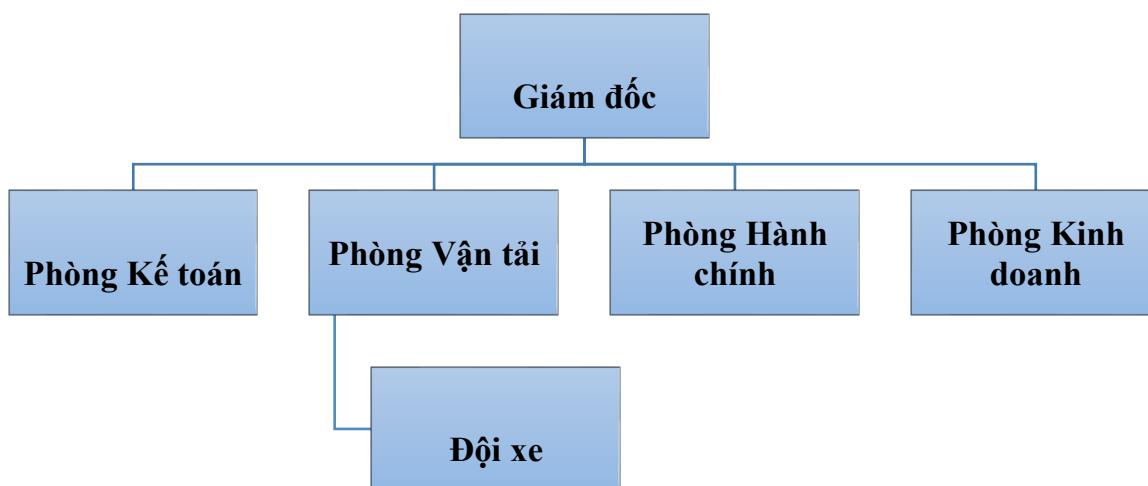
Đi cùng với sứ mệnh to lớn đó Công ty cũng đặt ra phương châm: "Lắng nghe – Thấu hiểu – Sáng tạo – Phát triển", Công ty TNHH Liên Vận Hải Long hiểu rằng sự tin tưởng, hợp tác của quý khách hàng có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển và thành công của Công ty. Mục tiêu của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long là luôn nỗ lực hết mình để xây dựng một thương hiệu uy tín, một địa chỉ tin cậy của mọi công trình nhằm mang đến chất lượng tốt nhất cũng như mang hình ảnh " Vận tải Liên Vận Hải Long" đến gần hơn với mọi đối tác.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

Công Ty TNHH Liên Vận Hải Long là đại lý vận tải uy tín, chuyên nghiệp có đủ các trang thiết bị cần thiết như xe tải, đầu kéo container, xe chuyên dụng cho việc chuyên chở hàng quá khổ, quá tải, thiết bị nâng hạ và đóng gói hàng hóa, bến bãi kho hàng cùng với đội ngũ nhân viên được đào tạo cơ bản, hệ thống máy tính nối mạng với các đại lý nước ngoài. Công ty luôn đảm bảo cung cấp cho khách hàng toàn bộ các dịch vụ liên quan đến việc vận tải hàng hóa từ cước đường biển, đường bộ và đường hàng không cho đến gom hàng lẻ (LCL), khai thuê hải quan, lưu kho bãi, đại lý tàu biển, cung ứng hàng hải và giao nhận hàng công tình, dự án với chất lượng dịch vụ cao.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

Để phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty TNHH Liên Vận Hải Long đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

❖ **Giám đốc:**

Là người có quyền hành cao nhất trong công ty. Giám đốc chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh kinh doanh của toàn công ty, từ việc xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện đến việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và lựa chọn các phương án và huy động

❖ **Phòng Kinh doanh:**

+ Giúp giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, trực tiếp tổ chức khai thác khách hàng.

+ Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo hợp đồng kinh tế, thực hiện các hợp đồng ký kết.

+ Có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược quảng cáo, xúc tiến bán hàng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, đưa ra ý kiến đề xuất phát hiện những vấn đề chưa hợp lý, đồng thời tìm kiếm các đơn đặt hàng.

❖ **Phòng Kế toán:**

+ Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lý nguồn thu, chi

❖ Phòng Vận tải:

Phòng Vận Tải thường quản lý và bảo dưỡng xe cộ, tuyển dụng và quản lý lái xe, xây dựng lịch trình vận chuyển, đảm bảo an toàn giao thông, quản lý khiếu nại và sự cố, quản lý chi phí, theo dõi công nghệ mới, và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Kiểm tra an toàn lao động, công cụ xếp dỡ trước khi làm hàng, kiểm soát các thiết bị, băng tải trong quá trình vận hành. Bố trí, điều động các phương tiện vận tải ra vào và công nhân bốc xếp hợp lý. Làm các thủ tục giao nhận hàng hoá/container với nhà vận chuyển tại cảng. Theo dõi việc thực hiện của các nhà vận chuyển với lô hàng đã giao.

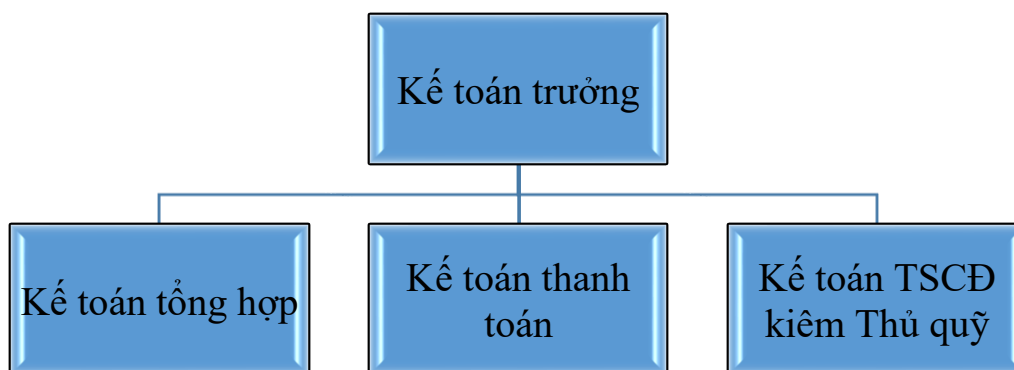
❖ Đội xe:

Trực tiếp thực hiện các hoạt động vận tải theo hợp đồng đã được ký kết với khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm tổ công tác kế toán tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

❖ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ:**

+ Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển tài sản cố định, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng tài sản cố định.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản cố định và chế độ qui định.

+ Tham gia lập dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định, giám sát việc sửa chữa tài sản cố định.

+ Tham gia kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của nhà nước, lập các báo cáo về tài sản cố định của doanh nghiệp; tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản và sử dụng tài sản cố định.

+ Có chức năng, nhiệm vụ giám đốc đồng vốn của công ty, là người nắm giữ tiền mặt của công ty. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu, chi hợp lệ để nhập và xuất quỹ. Tuyệt đối không được tiết lộ tình hình tài chính của công ty cho người không có thẩm quyền.

+ Là người có nhiệm vụ chính là thu giữ tiền mặt, thu tiền và chi tiền đến cuối kỳ xác định số tiền còn hiện có ở quỹ. Hàng ngày căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt.

❖ ***Kế toán tổng hợp:***

Kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi qua quỹ của công ty và các khoản phải trả cho công nhân viên, các khoản chi phí phát sinh trong công ty liên quan đến thu mua, tiêu thụ nguyên vật liệu cho từng công trình cùng với các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tính toán và hạch toán tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty. Hàng tháng ghi nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên kinh tế gửi về, lập bảng phân bổ.

❖ ***Kế toán thanh toán:***

Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

+ Theo dõi tình hình thu chi, chuyển khoản tiền chủ đầu tư trả của các công trình, uỷ nhiệm chi đi ngân hàng chuyển tiền trả nhà cung cấp cho các đội xây dựng.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty hiện áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

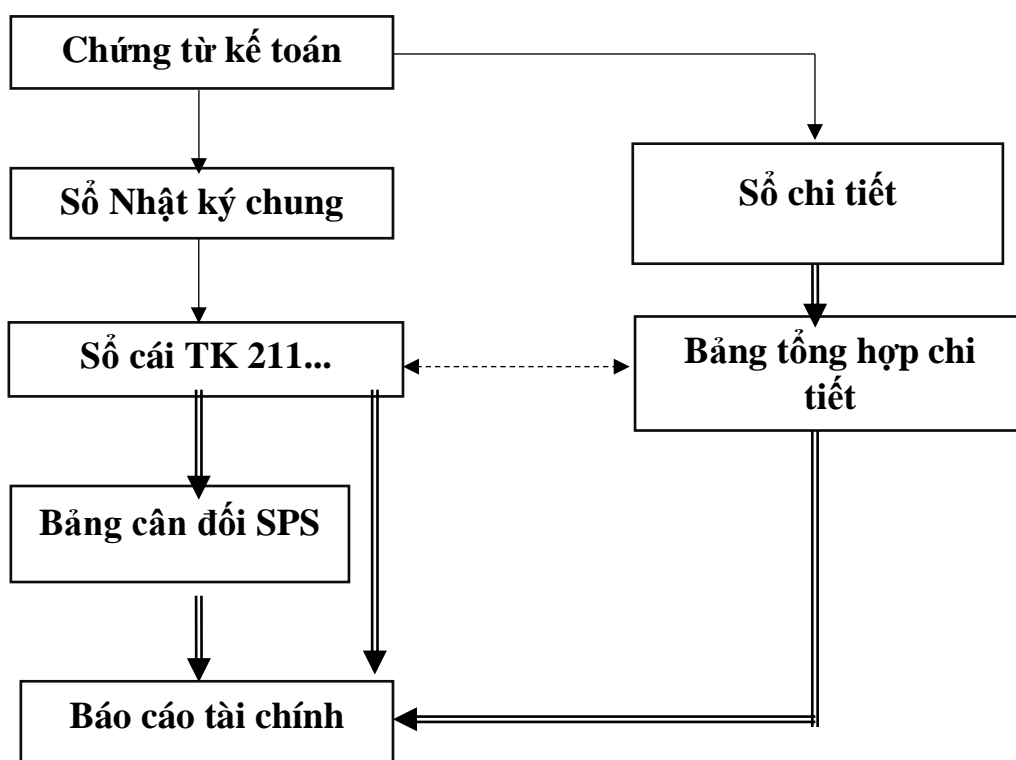
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán: “Nhật ký chung”.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 211, 214, ...

❖ **Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09 – DN
- Bảng cân đối số phát sinh.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty

❖ Phân loại TSCĐ tại công ty:

Tài sản cố định của công ty được phân làm các loại sau:

TSCĐ tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long hiện nay chủ yếu được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu, một số ít tài sản được đầu tư bằng vốn đi vay của ngân hàng. TSCĐ được hình thành phần lớn thông qua mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản. Để quản lý chặt chẽ và có hiệu quả thì Công ty đã tiến hành phân loại TSCĐ thành tài sản cố định hữu hình và TSCĐ vô hình. Tài sản cố định vô

hình là quyền sử dụng đất nơi công ty đang hoạt động. Tài sản cố định hữu hình bao gồm:

+ **Nhà ở, vật kiến trúc:**

Nhà cửa của công ty gồm: văn phòng công ty tại Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, nhà kho, ...

+ **Phương tiện vận tải.**

Phương tiện vận tải của Công ty gồm các loại xe đầu kéo mua trong nước, ngoài ra còn có các xe nhập khẩu của Hàn Quốc, Nhật Bản,

+ **Tài sản cố định khác:**

Tài sản cố định khác gồm những máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý như: Máy photocopy, máy phát điện, ô tô phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp...

❖ **Đánh giá giá trị của TSCĐ:**

- *Nguyên giá:*

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm. Đối với những tài sản mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt,...

- *Giá trị hao mòn:*

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

- *Giá trị còn lại:*

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

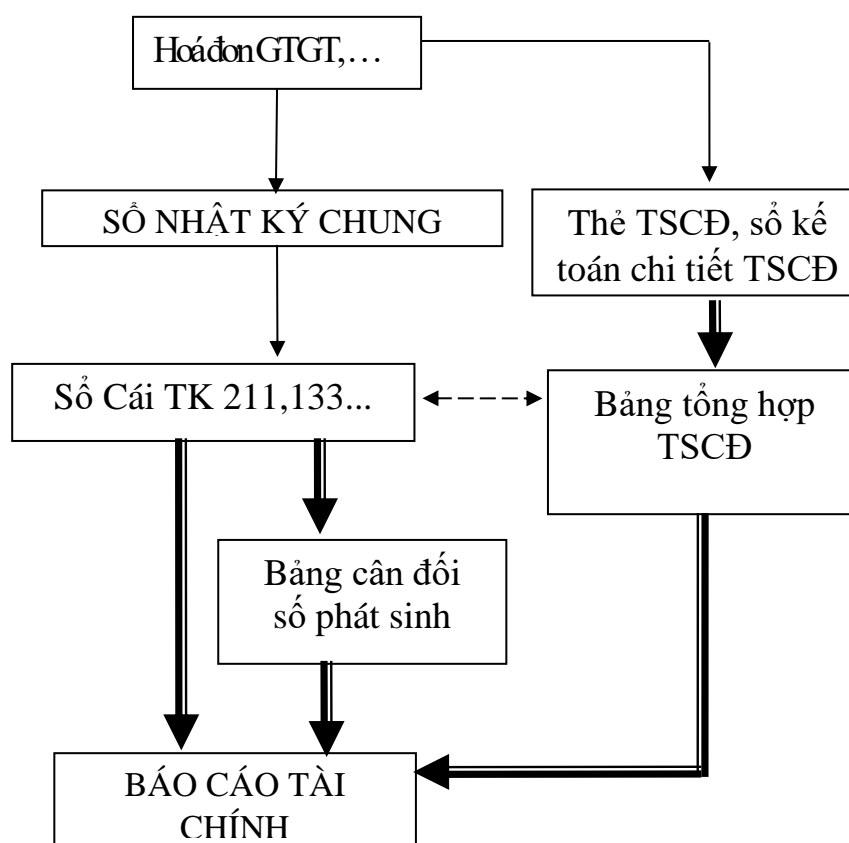
2.2.2 Kế toán tăng giảm tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

❖ *Chứng từ sử dụng:*

Tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long sử dụng các chứng từ sau:

- ✓ Hợp đồng kinh tế
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Biên bản thanh lý TSCĐ

- ✓ Biên bản giao nhận TSCĐ
- ✓ Các chứng từ liên quan khác
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - ✓ TK 211: Tài sản cố định
 - ✓ TK 214: Hao mòn TSCĐ
 - ✓ TK khác có liên quan: TK 111,112,331,...
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - ✓ Thẻ tài sản cố định
 - ✓ Sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định
 - ✓ Bảng tổng hợp tài sản cố định
- ❖ Trình tự ghi sổ TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

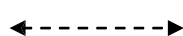
Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty.

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 01/07/2023, Công ty mua ô tô đầu kéo Hovo của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng, giá mua có cả VAT 8% là 750.000.000 đồng, Công ty chưa thanh toán. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Căn cứ vào kế hoạch, Phòng vận tải lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua xe ô tô phục vụ hoạt động vận chuyển khách.

Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua ô tô của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng.

Sau khi tìm được đối tác các bên lập hợp đồng kinh tế mua phương tiện.

Biên bản giao nhận tài sản cố định sẽ được lập sau khi ô tô được bàn giao.

Đồng thời Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán, hoàn tất giao dịch mua bán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1112 (Biểu số: 2.2) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.9) đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán, thẻ TSCĐ (Biểu số 2.3) và sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định (Biểu 2.7).

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.9), kế toán ghi vào sổ cái TK 211 (Biểu số: 2.10), sổ cái TK 133, sổ cái TK 331.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết tài sản cố định (Biểu 2.7), kế toán lập Bảng tổng hợp tài sản cố định (Biểu 2.8).

Biểu số 2.1: Hợp đồng mua bán hàng hoá

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ

Số 204/2023/HĐMB

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG

- Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại: 0225.397.9878.

- Đại diện bởi: (Bà) Nguyễn Thúy Lê.

- Chức vụ: Giám đốc

- Mã số thuế: 0201823395.

Tài khoản số: 0729010069999

Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK)

BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH Ô TÔ HỒNG ĐĂNG

Địa chỉ: Số 04 đường Ngọc Thuy, Phường Ngọc Thuy, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0224.755.077

Đại diện bởi: (Ông) Nguyễn Đăng Dũng

Chức vụ: Giám đốc công ty.

Mã số thuế: 0110787754

Tài khoản số: 19036615405014

Tại ngân hàng: TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TECHCOMBANK).

Trên cơ sở thoả thuận, hai bên thống nhất ký hợp đồng mua bán với các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1: Bên B đồng ý bán cho bên A các mặt hàng sau:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Ô tô đầu kéo Hovo	Chiếc	1	694.444.444	694.444.444
	Cộng tiền hàng				694.444.444
	Thuế GTGT (8%)				55.555.556
	Tổng tiền thanh toán				750.000.000

Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.

Hàng hoá do Bên Bán cung cấp phải đảm bảo đúng chất lượng (Có Giấy chứng nhận hàng hoá cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

ĐIỀU 2: THANH TOÁN.

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên B.

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng và hoá đơn giá trị gia tăng.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN HÀNG.

- Thời gian: Từ ngày 25/06/2023 đến ngày 2/07/2023.

- Địa điểm: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Bên B sẽ giao trực tiếp cho bên A hoặc giao cho người uỷ quyền.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

- Bên B có nghĩa vụ giao hàng đảm bảo đúng thời gian, địa điểm, chủng loại, quy cách, chất lượng theo quy định trong trường hợp này.

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ cho bên A và có trách nhiệm pháp lý về tính hợp lệ của hoá đơn, chứng từ, tài liệu đó.

- Bên A có trách nhiệm nhận hàng nhanh chóng, thanh toán tiền cho bên B đúng theo phương thức, thời gian đã thống nhất giữa hai bên.

ĐIỀU 5: PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

Đối với Bên Bán:

- Nếu Bên Bán không giao hàng đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm.

- Nếu Bên Bán không giao đủ hàng đúng số lượng và chất lượng theo quy định tại Hợp đồng này thì sẽ phải cung cấp tiếp hàng hoá theo đúng quy định và bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị hàng hoá bị vi phạm cho 01 ngày chậm.

Đối với bên mua:

- Nếu Bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo qui định tại Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm.

- Nếu Bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ tiếp nhận hàng theo qui định của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trên. Nếu thấy vướng mắc hai bên phải thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng văn bản mới có giá trị thi hành. Nếu có một bên đơn phương thay đổi phải chịu bồi thường toàn bộ thiệt hại vật chất do bên thay đổi gây ra. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa ra toà án kinh tế thành phố Hải Phòng. Phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng buộc hai bên thi hành. Phí do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

- Sau khi các bên thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình được ghi trong hợp đồng thì hợp đồng coi như được thanh lý. Trong trường hợp một Bên muốn sửa đổi các điều khoản trong hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia biết trước ít nhất là 03 ngày và cùng nhau thoả thuận lại những điểm cần thay đổi với sự đồng ý của hai Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
GIÁM ĐỐC

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 1112

Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng					
Mã số thuế: 0110787754					
Địa chỉ: Số 04 đường Ngọc Thuy, P. Ngọc Thuy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.					
Tel: 0224.755.077, Fax: 0224.755.077					
Tài khoản số: 19036615405014					
Tại ngân hàng: TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TECHCOMBANK).					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: 1C23TAA	
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử				Số(No): 1112	
Ngày 01 tháng 07 năm 2023					
Mã CQT:006DD2NT8F441360B47052333DE516266A					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Anh					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG					
Mã số thuế: 0201823395.					
Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Tài khoản số: 0729010069999					
Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK)					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.					
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ô tô đầu kéo Hovo, BK: 15LD 011.55	Chiếc	1	694.444.444	694.444.444
Cộng tiền hàng					694.444.444
Thuế suất GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT	55.555.556
Tổng cộng tiền thanh toán					750.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
Ký bởi: Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng Ký ngày: 01/07/2023					
Tra cứu hóa đơn điện tử tại website: https://hoadondientu.vacom.vn/tracuu.html . (Khởi tạo hóa đơn phần mềm M-INVOICE-Công ty TNHH hóa đơn điện tử M – Invoice 010626495-NPP- Công ty cổ phần Vacom)					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.3. Thẻ tài sản cố định

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 01 tháng 07 năm 2023

Số: 45

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 247 ngày 01 tháng 07 năm 2023.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Ô tô đầu kéo Hovo BK: 15LD 011.55

Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2022

Tình trạng kỹ thuật: Mới 100%

Số khung: RLMGSEX3DV00489, Số máy 2111236111242168

Bộ phận quản lý sử dụng: Bộ phận vận tải Năm sử dụng: 2023

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ	
Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
1/7/2023	Ô tô 15LD 011.55	694.444.444		
2023	Phân bổ KH TSCĐ		57.870.370	57.870.370
2024	Phân bổ KH TSCĐ		115.740.741	173.611.111
2025	Phân bổ KH TSCĐ		115.740.741	289.351.852
2026	Phân bổ KH TSCĐ		115.740.741	405.092.592
2027	Phân bổ KH TSCĐ		115.740.741	520.833.333
2028	Phân bổ KH TSCĐ		115.740.741	636.574.074
Đến 30/6/2029	Phân bổ KH TSCĐ		57.870.370	694.444.444

Ngày 01 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Ví dụ 2: Ngày 25/07/2023, theo đề nghị của Phòng Vận tải, Ô tô Somi ro mooc cỡ cò BK 15R 101.37 của công ty được nhượng bán cho Công ty TNHH Vận tải Hoàng Liên Sơn. Công ty đã họp và quyết định nhượng bán TSCĐ này.

Tài sản cố định nhượng bán theo dõi trên sổ sách kế toán có nguyên giá: 1.250.500.000đ, giá trị hao mòn lũy kế: 635.482.534đ, giá trị còn lại: 615.017.466đ, giá trị nhượng bán là: 720.000.000đ, chưa có VAT8%, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào Biên bản nhượng bán TSCĐ (Biểu số: 2.4), Hóa đơn GTGT số 814 (Biểu số: 2.5) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.9) đồng thời ghi sổ theo chi tiết tài sản cố định (Biểu 2.7), sổ chi tiết phải trả người bán.

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.9), kế toán ghi vào sổ cái TK 211 (Biểu số: 2.10), sổ cái TK 811, sổ cái TK 214.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết tài sản cố định (Biểu 2.7), kế toán lập Bảng tổng hợp tài sản cố định (Biểu 2.8).

Biểu số 2.4: Biên bản nhượng bán TSCĐ

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ
Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2023

**BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN
TSCĐ**

Số: 01/BBNB

Căn cứ Đơn đề nghị xin nhượng bán TSCĐ ngày 25/07/2023 của Phòng Vận tải Công ty TNHH Liên Vận Hải Long đã được Giám đốc phê duyệt.

I. Ban nhượng bán TSCĐ bao gồm:

- Ông: Nguyễn Thuý Lệ - Giám đốc công ty- Đại diện Trưởng Ban
- Ông: Lê Văn Vương - Kế toán Trưởng - Ủy viên
- Ông: Lê Văn Hân - Trưởng Phòng Vận tải - Ủy viên
- Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ - Ủy viên

II. Tiến hành nhượng bán TSCĐ

Loại tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn Lũy kế	Giá trị còn lại
Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	01	2019	1.250.500.000	635.482.534	615.017.466

III. Kết luận của Ban nhượng bán TSCĐ

-TSCĐ theo giá thị trường là 720.000.000đ, chấp nhận bán với giá 720.000.000 đồng (chưa thuế GTGT 8%).

IV. Kết quả nhượng bán

- Giá trị thu hồi: 720.000.000 đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).
- Đã ghi giảm TSCĐ.

Ngày 25 tháng 07 năm 2023

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 814

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử				Ký hiệu: 1C23TYT	
Ngày 25 tháng 07 năm 2023				Số: 814	
Mã của cơ quan thuế: 00268E11579845646C7958BA18206495F20					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN VẠN HẢI LONG					
Mã số thuế: 0201823395.					
Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Đường Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Tài khoản số: 0729010069999					
Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK)					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Vạn tải Hoàng Liên Sơn					
Mã số thuế: 0205892641					
Địa chỉ: số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Ô tô Somi rơ moóc cở cò BK 15R 101.37	Chiếc	1	720.000.000	720.000.000
Cộng tiền hàng					720.000.000
Thuế GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT	57.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán					777.600.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
Ký bởi: CÔNG TY TNHH LIÊN VẠN HẢI LONG Ký ngày: 25/07/2023					
Tra cứu hóa đơn điện tử tại website: https://hoadondientu.vacom.vn/tracuu.html . (Khởi tạo hóa đơn phần mềm M-INVOICE-Công ty TNHH hóa đơn điện tử M – Invoice 010626495-NPP- Công ty cổ phần Vacom)					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vạn Hải Long)

Biểu 2.6: Giấy báo có



Số: 504
Mã GDV: PHUDTQTO
Mã KH: 594547

GIẤY BÁO CÓ

25/07/2023

Kính gửi: **Công ty TNHH Liên Vận Hải Long**

Mã số thuế: 0201823395

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 0729010069999

Số tiền bằng số: 777.600.000 đồng

Số tiền bằng chữ: *Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng.*

Nội dung: *## Thu tiền bán ô tô cho Công ty TNHH Vận tải Hoàng Liên Sơn - số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng ##*

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Mẫu số S21 – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 2113- Phương tiện vận tải
Đối tượng sử dụng: Bộ phận vận tải
Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				15.658.745.025	
		...					
HĐ1112	01/07	Mua ô tô đầu kéo Hovo	331	694.444.444		16.458.264.112	
		...					
BB01	25/07	Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37 nhượng bán	214		635.482.534		
			811		615.017.466	18.235.774.250	
		...					
		Số phát sinh		5.670.478.540	1.250.500.000		
		Số dư cuối năm				20.078.723.565	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp tài sản cố định

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH
Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	SH TK	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2111	4.789.578.420		0	0	4.789.578.420	
2	Phương tiện vận tải	2113	15.658.745.025	0	5.670.478.540	1.250.500.000	20.078.723.565	0
3	Tài sản cố định khác	2118	356.574.510		0	0	356.574.510	
	Cộng		20.804.897.955	0	5.670.478.540	1.250.500.000	25.224.876.495	0

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê
Châu, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/07	HĐ 1112	01/07	Mua ô tô đầu kéo Hovo của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đặng	211 133 331	694.444.444 55.555.556	750.000.000
			...			
03/07	HĐ805	03/07	Cước vận chuyên cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.	131 511 333	35.450.000	32.824.074 2.625.926
			...			
25/07	BB 01	25/07	Nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	214 811 211	635.482.534 615.017.466	1.250.500.000
25/07	HĐ 814 BC504	25/07	Thu từ nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	112 711 333	777.600.000	720.000.000 57.600.000
			...			
31/07	KH 7	31/07	Khấu hao TSCĐ tháng 07/2023	627 642 214	233.130.835 27.587.405	260.718.240
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	642 133 111	3.000.000 240.000	3.240.000
			...			
20/12	BN961 HĐ1208	20/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 67865	642 133 112	34.760.000 2.780.800	37.540.800
			...			
			Cộng phát sinh		452.267.695.515	452.267.695.515

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 211

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê
Châu, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tài sản cố định
Số hiệu: 211
Năm 2023

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		20.804.897.955	
			Số phát sinh			
				
01/07	HD 1112	01/07	Mua ô tô đầu kéo Hovo của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng	331	694.444.444	
			...			
25/07	BB 01	25/07	Nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37 cho Công ty TNHH Vận tải Hoàng Liên Sơn	214 811		635.482.534 615.017.466
			...			
			Cộng phát sinh năm		5.670.478.540	1.250.500.000
			Số dư cuối kỳ		25.224.876.495	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

2.2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

Hiện nay, Công ty TNHH Liên Vận Hải Long đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng (hay còn được gọi là khấu hao đều hoặc khấu hao tuyến tính) đối với các tài sản cố định doanh nghiệp quản lý. Phương pháp này được quy định trong nội dung của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao tài sản cố định.

Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

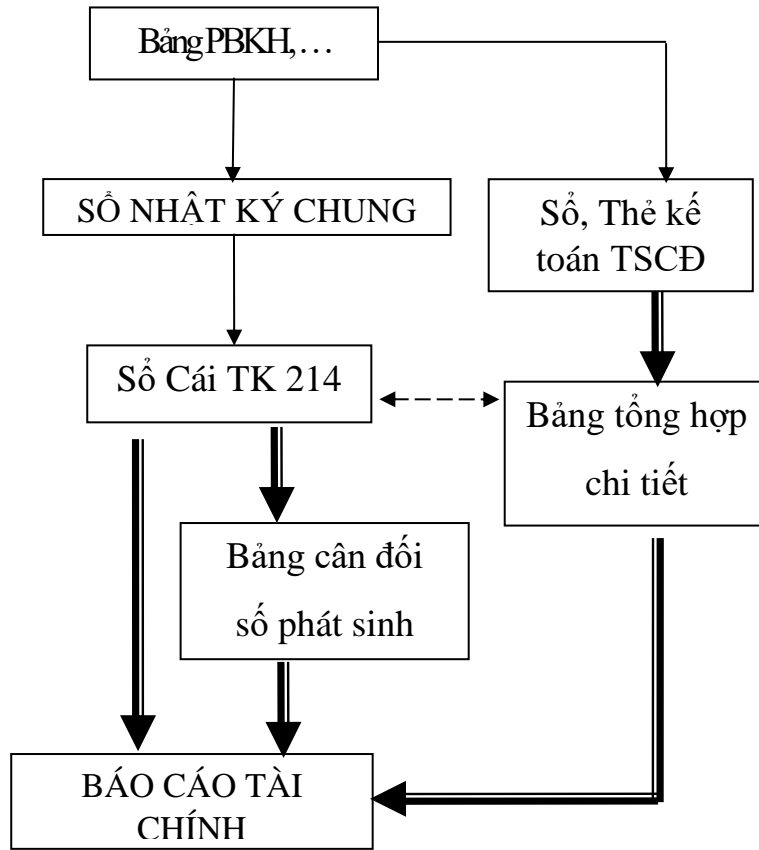
❖ Chứng từ sử dụng

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 214, 627, 642.

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

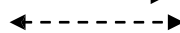
Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán khấu hao TSCĐ tại công ty.

Ví dụ: Ngày 01/07/2023, Công ty mua ô tô đầu kéo Hovo của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng, giá mua có cả VAT 8% là 750.000.000 đồng, Công ty chưa thanh toán. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 01/07/2023 và theo quy định của công ty, kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/07/2023

Nguyên giá tài sản cố định = 694.444.444 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $694.444.444/6 = 115.740.741$ đồng/năm

Mức trích KH trung bình tháng = $115.740.741/12 = 9.645.062$ đồng/tháng.

Do tháng 7 tài sản mua về và sử dụng từ đầu tháng nên

Mức trích KH tháng 7 = 9.645.062 đồng.

Biểu số 2.11: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 07 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TT	Biển số	Tên TSCĐ	Bộ phận sử dụng	Nguyên Giá	Số tháng KH	Mức KH tháng	Tài khoản ghi nợ			Hao mòn lũy kế
							TK 627	TK 642	Cộng	
	...									
		II. Bộ phận vận tải								
1	15R-033.47	Xe ô tô sơ mi rơ mooc	Bộ phận VT	1.587.540.215	72	22.049.170	26.515.152		26.515.152	529.180.072
2	15R-035.32	Xe ô tô sơ mi rơ mooc	Bộ phận VT	1.657.845.210	72	23.025.628	34.195.707		34.195.707	552.615.070
	...									
15	15R-031.11	Xe ô tô sơ mi rơ mooc	Bộ phận VT	1.511.454.182	72	20.992.419	20.992.419		20.992.419	503.818.061
	...									
31	15LD-011.55	Xe ô tô đầu kéo Hovo	Bộ phận VT	694.444.444	72	9.645.062	9.645.062		9.645.062	9.645.062
32	15R-040.61	Xe ô tô sơ mi rơ mooc	Bộ phận VT	1.656.523.587	72	23.007.272	23.421.717		23.421.717	552.174.529
	...									
38	15R-033.77	Xe ô tô sơ mi rơ mooc	Bộ phận VT	958.745.103	72	13.315.904	12.710.480		12.710.480	319.581.701
		Cộng bộ phận Vận tải		16.785.420.154		233.130.835	233.130.835	0	233.130.835	5.595.140.051
	...									
		Tổng cộng		23.256.781.154		260.718.240	233.130.835	27.587.405	260.718.240	6.256.784.521

Hải phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê
Châu, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/07	HĐ 1112	01/07	Mua ô tô đầu kéo Hovo của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng	211 133 331	694.444.444 55.555.556	750.000.000
			...			
03/07	HĐ805	03/07	Cước vận chuyên cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.	131 511 333	35.450.000	32.824.074 2.625.926
			...			
25/07	BB 01	25/07	Nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	214 811 211	635.482.534 615.017.466	1.250.500.000
25/07	HĐ 814 BC504	25/07	Thu từ nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	112 711 333	777.600.000	720.000.000 57.600.000
			...			
31/07	KH 7	31/07	Khấu hao TSCĐ tháng 07/2023	627 642 214	233.130.835 27.587.405	260.718.240
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	642 133 111	3.000.000 240.000	3.240.000
			...			
20/12	BN961 HĐ1208	20/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 67865	642 133 112	34.760.000 2.780.800	37.540.800
			...			
			Cộng phát sinh		452.267.695.515	452.267.695.515

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.13: Trích sổ Cái TK 214

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê
Châu, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ
Số hiệu: 214
Năm 2023

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			4.544.934.536
			Số phát sinh			
			...			
31/05	KH 05	31/05	Trích khấu hao TSCĐ tháng 5/2023	627 642		214.558.421 27.587.405
			...			
31/07	KH 07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ tháng 7/2023	627 642		233.130.835 27.587.405
25/07	BB 01	25/07	Nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cổ cò BK 15R 101.37	211	635.482.534	
			...			
31/12	KH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2023	627 642		265.640.112 27.587.405
			Cộng phát sinh năm		635.482.534	3.246.778.440
			Số dư cuối kỳ			7.156.230.442

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

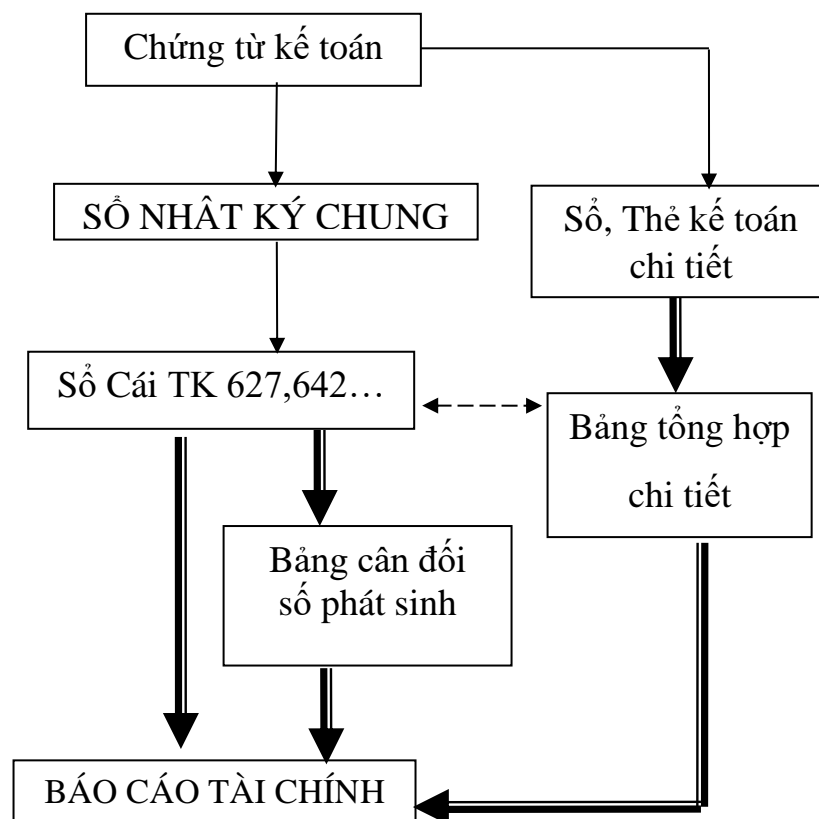
Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ tại công ty thường phát sinh tương đối đều đặn, giá trị thấp nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ hạch toán. Công ty có thể tự sửa đối với những trường hợp hỏng hóc đơn giản. Trong trường hợp không tự sửa được công ty sẽ đi thuê ngoài. Trong kỳ công ty không thực hiện trích trước cũng như xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định.

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.
- Phiếu chi, HĐGTGT.

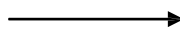
❖ *Tài khoản sử dụng: TK 154, 642, 331, ...*

❖ *Quy trình hạch toán*



Ghichú:

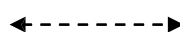
Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty.

Ví dụ: Ngày 20/12/2023, Theo hóa đơn GTGT số 1208, Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng sửa ô tô cho công ty với trị giá chưa bao gồm thuế GTGT 8%: 34.760.000 đồng, công ty đã thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào hóa đơn số 1208 (Biểu số: 2.16), Giấy Báo nợ (Biểu số: 2.18) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.19). Từ sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.19), kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số: 2.20), sổ cái TK 112 và sổ cái TK 133

Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng số 1208

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử				Ký hiệu: 1C23TTY	
Ngày 20 tháng 12 năm 2023				Số: 1208	
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Mã số thuế: 0201568603 Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng Số tài khoản: 034 01 01 000087 1- TMCP Hàng Hải - CN Ngô Quyền - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Anh Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG Mã số thuế: 00201823395 Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng Điện thoại: 0986576756 Số tài khoản: 0729010069999. Tại Ngân hàng Vietcombank - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM/CK.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Sửa chữa xe Hyundai 15A -67865				34.760.000
Cộng tiền hàng					34.760.000
Thuế GTGT: 8%			Tiền thuế GTGT		2.780.800
Tổng cộng tiền thanh toán					37.540.800
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
Ký bởi: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Ký ngày: 20/12/2023					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn) Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.15: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô

CÔNG TY TNHH MTV SỬA CHỮA Ô TÔ HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201568603					
Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3944745					
Số tài khoản: 034 01 01 000087 1-TMCP Hàng Hải - PGD Ngô Quyền – Hải Phòng					
BẢNG KÊ CHI PHÍ SỬA CHỮA Ô TÔ					
<i>Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2023</i>					
Biển số: 15A – 67865					
Nhãn hiệu xe: Hyundai					
Chủ xe: CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG					
Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dây cu roa máy phát	Sợi	1	580.000	580.000
2	Lọ nhiên liệu	Cái	1	1.200.000	1.200.000
3	Dây cam	Sợi	2	450.000	900.000
4	Phanh	bộ	1	1.750.000	1.750.000
5	Bi tăng cam	Vòng	2	290.000	580.000
6	Lọc xăng	Cái	1	200.000	200.000
7	Cao su lát	Cái	1	250.000	250.000
8	Bi may ơ	Vòng	2	300.000	600.000
9	Đèn trước	Chiếc	1	14.200.000	14.200.000
10	Sơn tĩnh điện				12.500.000
11	Công thợ				2.000.000
Cộng tiền (chưa VAT 8%)					34.760.000
Thuế GTGT 8%:					2.780.800
Số tiền phải thanh toán:					37.540.800
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng.					
Chủ xe <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thợ sửa <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Phụ trách bộ phận <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.16: Giấy báo Nợ của ngân hàng.



Số: 961
Mã GDV: PHUCDTQTO
Mã KH: 594256

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 20/12/2023

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG**

Mã số thuế: 0201823395

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0729010069999

Số tiền bằng số: 37.540.800, đồng

Số tiền bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng.

Nội dung: Thanh toán tiền sửa chữa xe Hyundai 15A -67865.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê
Châu, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/07	HĐ 1112	01/07	Mua ô tô đầu kéo Hovo của Công ty TNHH Ô tô Hồng Đăng	211 133 331	694.444.444 55.555.556	750.000.000
			...			
03/07	HĐ805	03/07	Cước vận chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.	131 511 333	35.450.000	32.824.074 2.625.926
			...			
25/07	BB 01	25/07	Nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	214 811 211	635.482.534 615.017.466	1.250.500.000
25/07	HĐ 814 BC504	25/07	Thu từ nhượng bán Ô tô Somi rơ mooc cỡ cò BK 15R 101.37	112 711 333	777.600.000	720.000.000 57.600.000
			...			
31/07	KH 7	31/07	Khấu hao TSCĐ tháng 07/2023	627 642 214	233.130.835 27.587.405	260.718.240
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	642 133 111	3.000.000 240.000	3.240.000
			...			
20/12	BN961 HĐ1208	20/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 67865	642 133 112	34.760.000 2.780.800	37.540.800
			...			
			Cộng phát sinh		452.267.695.515	452.267.695.515

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 2.18: Trích sổ Cái TK 642

Công ty TNHH Liên Vận Hải Long
Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê
Chân, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Quản lý doanh nghiệp
Số hiệu: 642
Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
				
30/6	KH 06	30/6	Trích khấu hao TSCĐ tháng 6/2023	214	27.587.405	
			...			
31/07	KH 07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ tháng 7/2023	214	27.587.405	
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	111	3.000.000	
20/12	BN961 HĐ1208	20/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 67865	112	34.760.000	
			...			
31/12	KH 12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2023	214	27.587.405	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911		2.015.416.230
			Cộng phát sinh năm		2.015.416.230	2.015.416.230
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG

Hiện nay đất nước ta đang phát triển theo định hướng nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, vai trò kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế nhà nước và của mọi doanh nghiệp. Kế toán được sử dụng như một công cụ sắc bén và có hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị.

Trong nhiều năm nay, Chính sách liên quan đến kế toán tài sản cố định của nước ta không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện. Chế độ tài sản cố định mới ra đời nhằm hoàn thiện việc trả quản lý tài sản cố định để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế trong từng thời kỳ. Vì thế kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng cũng phải được nghiên cứu và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và quản lý kinh tế trong từng thời kỳ.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

Qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung, cách tính và cách hạch toán tài sản cố định ở Công ty TNHH Liên Vận Hải Long. Nhìn chung công ty đã thực hiện tốt theo chính sách của Nhà nước nhưng bên cạnh đó còn một số hạn chế cần khắc phục để công tác kế toán tài sản cố định của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1 Ưu điểm

*** Về công tác kế toán nói chung**

- Tổ chức bộ máy quản lý: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

- Bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức nhưng vẫn đảm bảo công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định theo thông tư số 200/2014/TT-BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Liên Vận Hải Long sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC là phù hợp với chế độ kế toán công ty đang áp dụng.

- Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng

+ *Kế toán tổng hợp TSCĐ*: Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ *Công tác quản lý TSCĐ*: Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời.

Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

+ *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ*: Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Trong việc hạch toán chi tiết TSCĐ Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- *Về việc phân bổ chi phí*: đối với những khoản chi phí phát sinh có giá trị tương đối lớn và có liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh như chi phí sắm laptop... Công ty không tiến hành phân bổ làm nhiều kỳ nên làm cho việc phản ánh chi phí giữa các kỳ, cũng như xác định kết quả kinh doanh trong kỳ không chính xác.

- *Về công tác sửa chữa lớn tài sản cố định*: Công ty có rất nhiều phương tiện vận tải nhưng hàng năm công ty không xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định mà chỉ đến khi tài sản cố định hỏng công ty mới tiến hành sửa chữa. Điều này làm cho quá trình cung cấp dịch vụ vận tải của công ty có thể bị gián đoạn do hư hỏng.

- *Về công tác ghi chép sổ sách kế toán*: Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long thì các phương hướng và ý kiến đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng những cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, em xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán tài sản cố định ở Công ty TNHH Liên Vận Hải Long.

❖ **Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện về cách phân bổ chi phí:**

Đối với những khoản chi phí phát sinh có giá trị tương đối lớn và liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh công ty nên tiến hành phân bổ làm nhiều kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp của kế toán.

Ví dụ: Ngày 20/12/2023, theo hóa đơn GTGT số 1208, Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng sửa ô tô cho công ty với trị giá chưa bao gồm thuế GTGT 8%: 34.760.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 3.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 1208

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: 1C23TTY		
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử			Số: 1208		
Ngày 20 tháng 12 năm 2023					
Mã của cơ quan thuế:					
00278E11579845646C7958BA18217875F41					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng					
Mã số thuế: 0201568603					
Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản: 034 01 01 000087 1- TMCP Hàng Hải - CN Ngô Quyền - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Anh					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG					
Mã số thuế: 00201823395					
Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0986576756					
Số tài khoản: 0729010069999. Tại Ngân hàng Vietcombank - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Sửa chữa xe Huyndai 15A -67865				34.760.000
Cộng tiền hàng					34.760.000
Thuế GTGT: 8%			Tiền thuế GTGT		2.780.800
Tổng cộng tiền thanh toán					37.540.800
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
Ký bởi: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Ký ngày: 20/12/2023					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn) Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 3.2: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô

CÔNG TY TNHH MTV SỬA CHỮA Ô TÔ HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201568603					
Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3944745					
Số tài khoản: 034 01 01 000087 1-TMCP Hàng Hải - PGD Ngô Quyền – Hải Phòng					
BẢNG KÊ CHI PHÍ SỬA CHỮA Ô TÔ					
<i>Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2023</i>					
Biển số: 15A – 67865					
Nhãn hiệu xe: Huyndai					
Chủ xe: CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG					
Địa chỉ: Số 3 Tầng 1, Lô 2 Ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dây cu roa máy phát	Sợi	1	580.000	580.000
2	Lọ nhiên liệu	Cái	1	1.200.000	1.200.000
3	Dây cam	Sợi	2	450.000	900.000
4	Phanh	bộ	1	1.750.000	1.750.000
5	Bi tăng cam	Vòng	2	290.000	580.000
6	Lọc xăng	Cái	1	200.000	200.000
7	Cao su lát	Cái	1	250.000	250.000
8	Bi may ơ	Vòng	2	300.000	600.000
9	Đèn trước	Chiếc	1	14.200.000	14.200.000
10	Sơn tĩnh điện				12.500.000
11	Công thợ				2.000.000
Cộng tiền (chưa VAT 8%)					34.760.000
Thuế GTGT 8%:					2.780.800
Số tiền phải thanh toán:					37.540.800
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng.					
Chủ xe <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thợ sửa <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Phụ trách bộ phận <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Biểu số 3.3: Giấy báo Nợ của ngân hàng.



Số: 961
Mã GDV: PHUCDTQTO
Mã KH: 594256

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 20/12/2023

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH LIÊN VẬN HẢI LONG**

Mã số thuế: 0201823395

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0729010069999

Số tiền bằng số: 37.540.800, đồng

Số tiền bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng.

Nội dung: Thanh toán tiền sửa chữa xe Hyundai 15A -67865.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Liên Vận Hải Long)

Như vậy, theo số liệu từ những chứng từ trên ta thấy chi phí sửa đèn xe và sơn lại xe có giá trị tương đối lớn (Tổng giá trị: 26.700.000 đồng), công ty nên phân bổ dần cho hai năm còn các chi phí khác phát sinh nhỏ nên được tính vào chi phí của kỳ này.

Vậy căn cứ vào chứng từ trên, kế toán nghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 642	8.060.000
Nợ TK 242	26.700.000
Nợ TK 133	2.780.800
Có TK 112	37.540.800

Phân bổ vào chi phí năm 2023 là:

Nợ TK 642 13.350.000

Có TK 242 13.350.000

❖ ***Ý kiến thứ hai: Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định***

Sửa chữa lớn TSCĐ là hoạt động mang tính chất khôi phục hoặc nâng cấp, cải tạo khi TSCĐ bị hư hỏng nặng. Hoặc theo yêu cầu đảm bảo kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu suất hoạt động của tài sản. Thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Vì vậy công ty cần có kế hoạch cũng như dự trù kinh phí cho sửa chữa lớn tài sản cố định.

Nếu dựa vào phương thức tiến hành sửa chữa TSCĐ thì doanh nghiệp có thể làm theo 2 phương thức:

+ Phương thức thuê ngoài: Doanh nghiệp sẽ tổ chức cho các đơn vị bên ngoài đấu thầu hoặc giao thầu sửa chữa và ký hợp đồng sửa chữa với đơn vị trúng thầu hoặc nhận thầu. Hợp đồng phải quy định rõ về giá giao thầu sửa chữa tài sản cố định, thời gian giao nhận, nội dung công việc sửa chữa... Hợp đồng giao thầu sửa chữa TSCĐ sẽ là cơ sở để doanh nghiệp quản lý, kiểm tra, điều hành công tác sửa chữa TSCĐ.

+ Phương thức tự làm: Doanh nghiệp phải chi trả ra các khoản chi phí sửa chữa cho TSCĐ như: chi phí vật liệu, phụ tùng hay nhân công... Công việc sửa chữa TSCĐ có thể được thực hiện bởi bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ hay bộ phận sản xuất kinh doanh phụ của doanh nghiệp thực hiện.

**** Tài khoản sử dụng:***

TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...

**** Phương pháp hạch toán:***

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- Theo phương thức tự làm: Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 152, ...

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 627, 642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Nếu công ty có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

- Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

❖ **Ý kiến thứ ba: Hoàn thiện việc ghi chép sổ sách kế toán:**

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu

tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ : Misa, Fast accounting, Bravo,...

Phần mềm quản trị- tài chính- kế toán Bravo



Phiên bản mới của “Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO” là Bravo8. Với nền tảng được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (module) và thêm những phân hệ mới.

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên

phần mềm (*Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*)

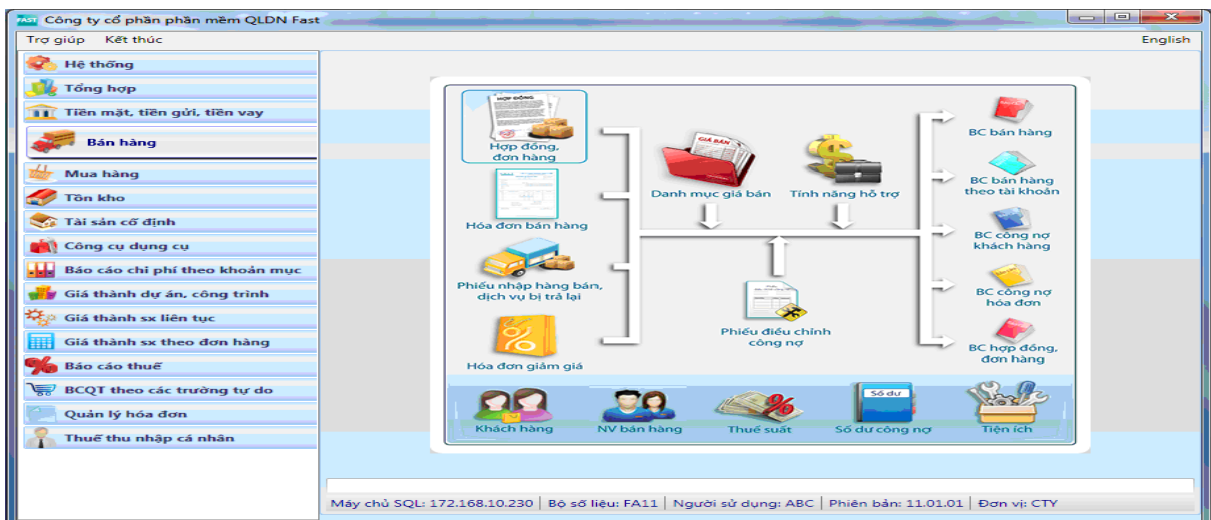
Hệ thống mở, mềm dẻo linh hoạt

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. Đồng thời, tính đa dạng và đặc thù của các ngành nghề kinh doanh làm cho vấn đề càng trở nên phức tạp khi không có những phần mềm được tổ chức tốt và thiết kế mở. Phần mềm BRAVO được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chính sách, chế độ của Nhà nước (*thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế*). Với nền tảng ứng dụng (*Framework*) được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (*module*) và thêm những phân hệ mới.

Quy trình xử lý trình tự công việc (WorkFlow)

Quy trình làm việc của doanh nghiệp có rất nhiều bộ phận cũng như nhân viên tham gia. Việc phối hợp xử lý công việc cũng như đồng nhất dữ liệu giữa các nhân viên, bộ phận rất phức tạp cần phải quy định trình tự các bước thực hiện sao cho việc nhập, khai thác dữ liệu tránh trùng lặp và sai sót. BRAVO cho phép người sử dụng tự khai báo, định nghĩa quy trình xử lý tuần tự các công việc phù hợp với thực tế doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Fast Accounting



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox...

Fast Accounting cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Kế toán tài sản cố định và phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng tài sản cố định mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình định hướng đầu tư.

Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Liên Vận Hải Long. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2023).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, như: Giải pháp về phân bổ chi phí, giải pháp về luân chuyển chứng từ kế toán, giải pháp về sửa chữa lớn tài sản cố định, giải pháp về hiện đại hóa công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy, cô giáo và các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH Liên Vận Hải Long; cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là **Ths. Nguyễn Văn Thụ** đã giúp em để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTC*
4. Công ty TNHH Liên Vận Hải Long (2023) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên internet.